

PHIẾU BÀI TẬP #6

CÁCH 4 VỚI DANH TỪ BẤT ĐỘNG VẬT

Русский язык как иностранный (РКИ) • Уровень А0–А1

ЗАДАНИЕ 1: Трансформация (Biến đổi từ trong ngoặc)

1. Я ищу _____ (красная шляпа).
2. Мой брат хочет купить _____ (спортивный костюм).
3. Пожалуйста, дайте мне _____ (эта белая футболка).
4. Мы хотим посмотреть _____ (зимнее пальто).
5. Я беру _____ (чёрные брюки).
6. Она примерила _____ (длинная юбка), но она ей не подошла.
7. Вы видели _____ (мой новый шарф)?
8. Я люблю носить _____ (удобная обувь).
9. Консультант показал нам _____ (красивые туфли).
10. Завтра я пойду в магазин и куплю _____ (шёлковая блузка).

ЗАДАНИЕ 2: Составьте предложения (Sắp xếp và biến đổi từ thành câu hoàn chỉnh)

1. Анна / мерить / новая / летняя / юбка.
→ _____
2. Мы / хотеть / посмотреть / этот / классический / костюм.
→ _____
3. Вы / мочь / показать / мне / та / чёрная / сумка?
→ _____
4. Макс / покупать / тёплый / шерстяной / свитер.
→ _____
5. Я / брать / эти / синие / джинсы.
→ _____



ЗАДАНИЕ 3: Перевод на русский язык (Dịch sang tiếng Nga)

1. Tôi muốn mua chiếc áo khoác mùa đông này.

→ _____

2. Bạn có thể cho tôi xem chiếc váy lụa kia (то) được không?

→ _____

3. Chúng tôi đang tìm (искать) một chiếc áo sơ mi trắng.

→ _____

4. Anh ấy đang thử một đôi giày (туфли) da màu đen.

→ _____

5. Tôi lấy chiếc quần âu này và chiếc thắt lưng kia (тот).

→ _____

6. Khách hàng (Покупатель) đang thanh toán ở quầy thu ngân.

→ _____

7. Bạn có thích (любить) chiếc túi xách nhỏ này không?

→ _____

8. Nhân viên tư vấn đã mang đến (принести - quá khứ) một cái quần jeans đỏ.

→ _____

9. Cô ấy muốn thử cái đầm xanh (da trời) dài bằng lụa.

→ _____

10. Hôm qua họ đã mua 1 cái chân váy tím và 1 cái áo sơ mi cotton trắng.

→ _____